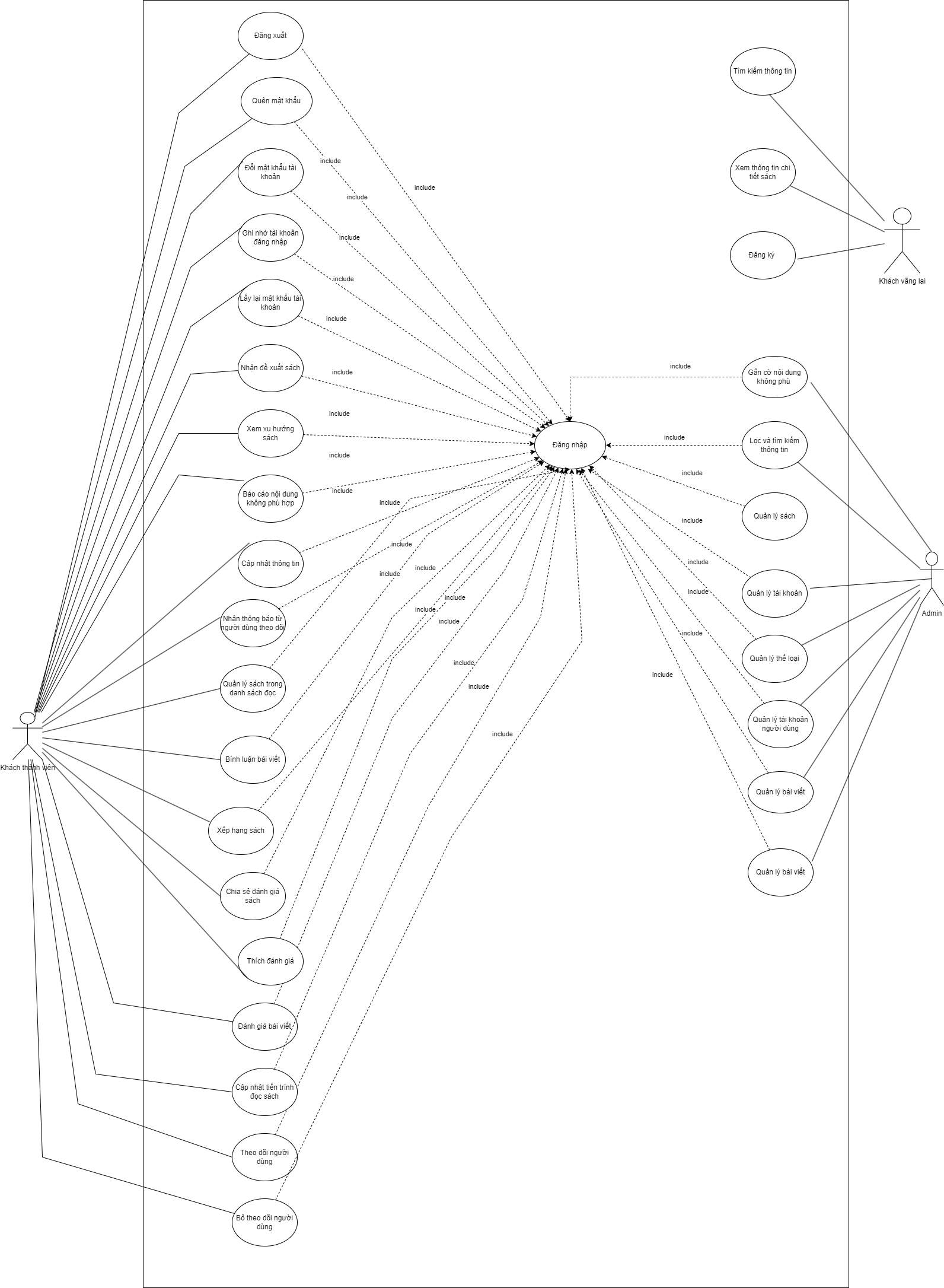
Usecase tổng quát



* Đăng nhập
* Đăng ký
* Đăng xuất
* Ghi nhớ tài khoản đăng nhập
* Lấy lại mật khẩu tài khoản
* Quản lý tài khoản người dùng
* Quản lý sách
* Quản lý bài viết (đánh giá sách)
* Quản lý thể loại
* Lọc và tìm kiếm thông tin
* Gắn cờ nội dung không phù hợp
* Cập nhật thông tin
* Đổi mật khẩu tài khoản
* Quản lý đánh giá(bài viết) sách (Thêm sửa xóa đánh giá)
* Bình luận đánh giá sách
* Thích đánh giá sách
* Theo dõi người dùng
* Bỏ theo dõi người dùng
* Xếp hạng sách (1 sao đến 5 sao)
* Cập nhật tiến trình đọc sách
* Nhận thông báo từ người dùng theo dõi
* Báo cáo nội dung không phù hợp
* Xem xu hướng sách trong cộng đồng
* Nhận đề xuất sách dựa trên lịch sử đọc và sở thích
* Chia sẻ đánh giá sách
* Quản lý sách trong danh sách đọc (Đang đọc, Muốn đọc, Đã hoàn thành).
* Xem thông tin chi tiết sách
* Tìm kiếm thông tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên tác nhân | Nhiệm vụ |
| 1 | Admin | Là người giữ vai trò chính trong quản lý hệ thống website.  Các chức năng chính của văn phòng khoa là:   * Đăng nhập * Đăng xuất * Ghi nhớ tài khoản đăng nhập * Lấy lại mật khẩu tài khoản * Quản lý tài khoản người dùng * Quản lý sách * Quản lý bài viết (đánh giá sách) * Quản lý thể loại * Lọc và tìm kiếm thông tin * Gắn cờ nội dung không phù hợp |
| 2 | Khách thành viên | Các chức năng chính của giảng viên là:   * Đăng nhập * Đăng xuất * Ghi nhớ tài khoản đăng nhập * Lấy lại mật khẩu tài khoản * Cập nhật thông tin * Đổi mật khẩu tài khoản * Quản lý đánh giá(bài viết) sách (Thêm sửa xóa đánh giá) * Bình luận đánh giá sách * Thích đánh giá sách * Theo dõi người dùng * Bỏ theo dõi người dùng * Xếp hạng sách (1 sao đến 5 sao) * Cập nhật tiến trình đọc sách * Nhận thông báo từ người dùng theo dõi * Báo cáo nội dung không phù hợp * Xem xu hướng sách trong cộng đồng * Nhận đề xuất sách dựa trên lịch sử đọc và sở thích * Chia sẻ đánh giá sách * Quản lý sách trong danh sách đọc (Đang đọc, Muốn đọc, Đã hoàn thành). |
| 3 | Khách vãng lai, khách | Các chức năng chính của khách vãng lai là:   * Xem thông tin chi tiết sách * Tìm kiếm thông tin |

### Use-case đăng nhập

* Đặc tả use-case

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 01 | | |
| Tên use-case | Đăng nhập | | |
| Tác nhân | Admin, thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân đăng nhập vào hệ thống để sử dụng các chức năng tương ứng với phân quyền của tài khoản trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân truy cập vào giao diện Đăng nhập trên giao diện trang chủ của trang web. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã truy cập vào trang web và đã có tài khoản đăng nhập. | | |
| Điều kiện thành công | Tác nhân đăng nhập thành công vào hệ thống. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân truy cập vào trang Đăng nhập của trang web. |  |
| 2 |  | Hiển thị giao diện Đăng nhập. |
| 3 | Tác nhân nhập thông tin tài khoản và mật khẩu. |  |
| 4 | Tác nhân chọn “Đăng nhập”. |  |
| 5 |  | Hệ thống kiểm tra thông tin tài khoản hợp lệ và chuyển đến trang chủ theo phân quyền của tài khoản. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 5a.1 |  | Nếu người dùng nhập thiếu email hoặc mật khẩu, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Email và mật khẩu không được để trống!”. |
| 5b.1 |  | Nếu người dùng nhập email không hợp lệ (VD: Email không có ký tự @) thì hệ thống hiển thị thông báo “Email không hợp lệ!”. |
| 5c.1 |  | Nếu người dùng nhập mật khẩu ít hơn 8 ký tự thì hệ thống hiển thị thông báo “Mật khẩu không hợp lệ!”. |
| 5d.1 |  | Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập không chính xác thì hiển thị thông báo “Email hoặc mật khẩu không chính xác!” tại trang đăng nhập. |

* Đăng ký

### Use-case đăng ký

* Đặc tả use-case

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 05 | | |
| Tên use-case | Đăng ký tài khoản | | |
| Tác nhân | Khách vãng lai. | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân tạp một tài khoản mới trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Đăng ký" trên giao diện đăng nhập. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Không có. | | |
| Điều kiện thành công | Tác nhân đăng ký thành công và có thể sử dụng tài khoản mới. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Chọn chức năng "Đăng ký" trên giao diện đăng nhập. |  |
| 2 |  | Hiển thị giao diện nhập thông tin tài khoản. |
| 3 | Nhập đầy đủ những trường thông tin cần thiết. |  |
|  | 4 | Nhấn nút “Đăng ký” |  |
|  | 5 |  | Kiểm tra tính hợp lệ của thông tin được nhập, lưu thông tin mới vào cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo “Đăng ký thành công!”. |
|  | 6 | Nhấn nút “Đăng nhập”. |  |
|  | 7 |  | Trở lại giao diện quản lý bài viết. |
| Luồng thay thế | 5.1 | Nếu tên tài khoản hoặc địa chỉ email đã tồn tại trong hệ thống, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng cung cấp thông tin khác. |  |
| Luồng ngoại lệ | 4.1 | Nhấn nút “Quay lại”. |  |
|  | 4.2 |  | Hủy bỏ việc đăng ký và quay trở lại giao diện đăng nhập. |
|  | 5.1 |  | Nếu tác nhân nhập thiếu thông tin bắt buộc, hệ thống hiển thị thông báo trường dữ liệu không được để trống tại từng ô dữ liệu bị thiếu trên trang đăng ký. |

* Đăng xuất

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 05 | | |
| Tên use-case | Đăng xuất khỏi tài khoản. | | |
| Tác nhân | Khách thành viên. | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân đăng xuất khỏi tài khoản hiện tại trên hệ thống. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Đăng xuất" trên giao diện tài khoản. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập vào tài khoản. | | |
| Điều kiện thành công | Tác nhân đã đăng xuất khỏi tài khoản thành công và quay trở lại trạng thái chưa đăng nhập. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Chọn chức năng "Đăng xuất" trên giao diện tài khoản. |  |
| 2 |  | Hiển thị thông báo “Bạn có chắc chắn muốn đăng xuất?”. |
| 3 | Nhấn nút “Xác nhận”. |  |
|  | 4 |  | Thực hiện đăng xuất khỏi tài khoản và chuyển về trạng thái chưa đăng nhập. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 3.1 | Nhấn nút “Quay lại”. |  |
|  | 4.1 |  | Hủy bỏ việc đăng xuất và quay trở lại giao diện tài khoản. |

* Ghi nhớ tài khoản đăng nhập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 05 | | |
| Tên use-case | Ghi nhớ tài khoản đăng nhập. | | |
| Tác nhân | Khách thành viên. | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân lựa chọn ghi nhớ tài khoản đăng nhập. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn “Ghi nhớ đăng nhập" trên giao diện tài khoản. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập vào tài khoản. | | |
| Điều kiện thành công | Tác nhân đã được ghi nhớ và tự động điền vào lần đăng nhập sau. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Chọn chức năng "Ghi nhớ tài khoản” |  |
| 2 |  | Ghi nhớ tài khoản đăng nhập cho phiên làm việc hiện tại. |
| 3 | Hoàn tất quá trình đăng nhập. |  |
|  | 4 |  | Lần đăng nhập tiếp theo tự động điền thông tin tài khoản đăng nhập. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 3.1 | Nhấn nút “Không lưu”. |  |
|  | 4.1 |  | Hủy bỏ việc lưu tài khoản và yêu cầu điền thông tin lại trong lần đăng nhập tiếp theo. |

* Lấy lại mật khẩu tài khoản

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 05 | | |
| Tên use-case | Lấy lại mật khẩu tài khoản | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép người dùng lấy lại mật khẩu của tài khoản khi quên hoặc cần đặt lại mật khẩu. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng chọn tùy chọn "Quên mật khẩu" trên giao diện đăng nhập. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản người dùng đã đăng ký trên hệ thống. | | |
| Điều kiện thành công | Người dùng đặt lại mật khẩu thành công và có thể đăng nhập lại. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | iChọn "Quên mật khẩu"trên giao diện Đăng nhập. |  |
| 2 |  | Hiển thị biểu mẫu yêu cầu nhập địa chỉ email hoặc thông tin tài khoản |
| 3 | Nhập đầy đủ những trường thông tin cần thiết. |  |
|  | 4 | Nhấn nút “Gửi yêu cầu”. |  |
|  | 5 |  | Xác minh tính hợp lệ của thông tin và tạo liên kết đặt lại mật khẩu |
|  | 6 |  | Gửi email chứa liên kết đặt lại mật khẩu tới địa chỉ email đã cung cấp |
|  | 7 | Mở email và nhấp vào liên kết |  |
|  | 8 |  | Mở trang web cho phép người dùng nhập mật khẩu mới |
|  | 9 | Nhập mật khẩu mới hai lần và xác nhận |  |
|  | 10 | Nhấn nút “Lưu lại” |  |
|  | 11 |  | Xác nhận và lưu trữ mật khẩu mới của người dùng |
| Luồng thay thế | 7.1 | Nếu người dùng không nhấp vào liên kết trong email, hệ thống không thể xác nhận mật khẩu mới và không có thay đổi về mật khẩu. |  |
| Luồng ngoại lệ | 4.1 | Nhấn nút “Quay lại”. |  |
|  | 4.2 |  | Hủy bỏ việc đổi mật khẩu và quay trở lại giao diện đăng nhập. |
|  | 5.1 |  | Nếu tác nhân nhập sai thông tin bắt buộc, hệ thống hiển thị thông báo trường dữ liệu không hợp lệ trên trang đổi mật khẩu. |

* Quản lý tài khoản người dùng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 04 | | |
| Tên use-case | Xóa tài khoản | | |
| Tác nhân | Admin | | |
| Mô tả | Chức năng này cho phép tác nhân xóa tài khoản của người dùng trên hệ thống. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Xóa tài khoản" trên giao diện Quản lý tài khoản. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web với tài khoản quyền Admin. | | |
| Điều kiện thành công | Tác nhân xóa tài khoản thành công khỏi hệ thống và chuyển về giao diện Quản lý tài khoản. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn tài khoản muốn xóa và chọn “Xóa tài khoản”. |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị yêu cầu xác nhận xóa tài khoản. |
| 3 | Nhấn nút “Đồng ý”. |  |
| 4 |  | Xóa bỏ thông tin tài khoản của người dùng khỏi cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa tài khoản thành công!” tại trang Quản lý tài khoản. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 3a.1 | Tác nhân nhấn nút “Hủy”. |  |
| 3a.2 |  | Hủy bỏ việc xóa tài khoản và trở lại giao diện quản lý tài khoản. |

* Quản lý sách

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 05 | | |
| Tên use-case | Thêm sách | | |
| Tác nhân | Admin, Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân thêm sách mới lên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Thêm mới" trên giao diện quản lý sách. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Thêm thành công sách mới và quay lại giao diện quản lý sách. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Chọn chức năng "Thêm mới" trên giao diện Quản lý sách. |  |
| 2 |  | Hiển thị giao diện Thêm sách. |
| 3 | Nhập đầy đủ những trường thông tin cần thiết. |  |
|  | 4 | Nhấn nút “Lưu lại” |  |
|  | 5 |  | Kiểm tra tính hợp lệ của thông tin được nhập, lưu thông tin mới vào cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo “Thêm sách thành công!”. |
|  | 6 |  | Trở lại giao diện quản lý sách. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 4.1 | Nhấn nút “Quay lại”. |  |
|  | 4.2 |  | Hủy bỏ việc đăng bài và quay trở lại giao diện quản lý sách. |
|  | 5.1 |  | Nếu tác nhân nhập thiếu thông tin bắt buộc, hệ thống hiển thị thông báo trường dữ liệu không được để trống tại từng ô dữ liệu bị thiếu trên trang Thêm sách. |

#### Use-case sửa sách

* Đặc tả use-case:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 06 | | |
| Tên use-case | Sửa sách | | |
| Tác nhân | Admin, khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân thay đổi thông tin của sách trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Sửa sách" trên giao diện quản lý sách. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Thay đổi thông tin của sách thành công và quay lại giao diện quản lý sách. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Chọn sách và chọn "Sửa sách" trên giao diện quản lý sách. |  |
| 2 |  | Hiển thị thông tin sách trên giao diện sửa thông tin sách. |
| 3 | Thay đổi phần thông tin cần sửa đổi. |  |
|  | 4 | Nhấn nút “Lưu lại” |  |
|  | 5 |  | Kiểm tra tính hợp lệ của thông tin được nhập, lưu thông tin mới vào cơ sở dữ liệu và thông báo “Thay đổi thông tin sách thành công”. |
|  | 6 |  | Trở lại giao diện quản lý sách. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 4.1 | Nhấn nút “Quay lại”. |  |
|  | 4.2 |  | Hủy bỏ việc sửa sách và quay trở lại giao diện quản lý sách. |
|  | 5.1 |  | Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập không hợp lệ (VD: điền thiếu trường thông tin). Hệ thống hiển thị thông báo trường dữ liệu không được để trống tại từng ô dữ liệu bị thiếu trên trang Sửa sách. |

#### Use-case xóa sách

* Đặc tả use-case:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 07 | | |
| Tên use-case | Xóa sách | | |
| Tác nhân | Admin, khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân xóa bỏ sách trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Xóa sách" trên giao diện quản lý sách. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Xóa bỏ thành công sách và quay lại giao diện quản lý sách. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Chọn sách và chọn chức năng "Xóa sách" trên giao diện quản lý sách. |  |
| 2 |  | Hiển thị yêu cầu xác nhận xóa sách. |
| 3 | Nhấn nút “Đồng ý”. |  |
|  | 4 |  | Xóa bỏ thông tin sách khỏi hệ thống, cập nhật lại dữ liệu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa sách thành công!”. |
|  | 6 |  | Trở lại giao diện quản lý sách. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 4.1 | Nhấn nút “Quay lại”. |  |
|  | 4.2 |  | Hủy bỏ việc xóa sách và trở lại giao diện quản lý sách. |

* Quản lý bài viết (đánh giá sách)

#### Use-case thêm bài viết

* Đặc tả use-case:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 05 | | |
| Tên use-case | Thêm bài viết | | |
| Tác nhân | Admin, Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân thêm bài viết mới lên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Thêm mới" trên giao diện quản lý bài viết. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Thêm thành công bài viết mới và quay lại giao diện quản lý bài viết. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Chọn chức năng "Thêm mới" trên giao diện Quản lý bài viết. |  |
| 2 |  | Hiển thị giao diện Thêm bài viết. |
| 3 | Nhập đầy đủ những trường thông tin cần thiết. |  |
|  | 4 | Nhấn nút “Lưu lại” |  |
|  | 5 |  | Kiểm tra tính hợp lệ của thông tin được nhập, lưu thông tin mới vào cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo “Thêm bài viết thành công!”. |
|  | 6 |  | Trở lại giao diện quản lý bài viết. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 4.1 | Nhấn nút “Quay lại”. |  |
|  | 4.2 |  | Hủy bỏ việc đăng bài và quay trở lại giao diện quản lý bài viết. |
|  | 5.1 |  | Nếu tác nhân nhập thiếu thông tin bắt buộc, hệ thống hiển thị thông báo trường dữ liệu không được để trống tại từng ô dữ liệu bị thiếu trên trang Thêm bài viết. |

#### Use-case sửa bài viết

* Đặc tả use-case:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 06 | | |
| Tên use-case | Sửa bài viết | | |
| Tác nhân | Admin, khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân thay đổi thông tin của bài viết trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Sửa bài viết" trên giao diện quản lý bài viết. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Thay đổi thông tin của bài viết thành công và quay lại giao diện quản lý bài viết. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Chọn bài viết và chọn "Sửa bài viết" trên giao diện quản lý bài viết. |  |
| 2 |  | Hiển thị thông tin bài viết trên giao diện sửa thông tin bài viết. |
| 3 | Thay đổi phần thông tin cần sửa đổi. |  |
|  | 4 | Nhấn nút “Lưu lại” |  |
|  | 5 |  | Kiểm tra tính hợp lệ của thông tin được nhập, lưu thông tin mới vào cơ sở dữ liệu và thông báo “Thay đổi thông tin bài viết thành công”. |
|  | 6 |  | Trở lại giao diện quản lý bài viết. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 4.1 | Nhấn nút “Quay lại”. |  |
|  | 4.2 |  | Hủy bỏ việc sửa bài viết và quay trở lại giao diện quản lý bài viết. |
|  | 5.1 |  | Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập không hợp lệ (VD: điền thiếu trường thông tin). Hệ thống hiển thị thông báo trường dữ liệu không được để trống tại từng ô dữ liệu bị thiếu trên trang Sửa bài viết. |

#### Use-case xóa bài viết

* Đặc tả use-case:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 07 | | |
| Tên use-case | Xóa bài viết | | |
| Tác nhân | Admin, khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân xóa bỏ bài viết trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Xóa bài viết" trên giao diện quản lý bài viết. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Xóa bỏ thành công bài viết và quay lại giao diện quản lý bài viết. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Chọn bài viết và chọn chức năng "Xóa bài viết" trên giao diện quản lý bài viết. |  |
| 2 |  | Hiển thị yêu cầu xác nhận xóa bài viết. |
| 3 | Nhấn nút “Đồng ý”. |  |
|  | 4 |  | Xóa bỏ thông tin bài viết khỏi hệ thống, cập nhật lại dữ liệu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa bài viết thành công!”. |
|  | 6 |  | Trở lại giao diện quản lý bài viết. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 4.1 | Nhấn nút “Quay lại”. |  |
|  | 4.2 |  | Hủy bỏ việc xóa bài viết và trở lại giao diện quản lý bài viết. |

* Quản lý thể loại

#### Use-case thêm Thể loại

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.22. Bảng đặc tả use-case thêm Thể loại

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 21 | | |
| Tên use-case | Thêm thể loại | | |
| Tác nhân | Admin | | |
| Mô tả | Chức năng này cho phép tác nhân thực hiện chức năng thêm Thể loại vào hệ thống. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Thêm mới" trên giao diện Quản lý | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đăng nhập vào trang web thành công với tài khoản Admin. | | |
| Điều kiện thành công | Thêm Thể loại thành công và chuyển về giao diện quản lý | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn chức năng "Thêm mới" trên giao diện Quản lý |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị giao diện Thêm |
| 3 | Tác nhân nhập thông tin |  |
| 4 | Nhấn nút “Lưu lại”. |  |
| 5 |  | Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ, lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. Hiển thị thông báo “Thêm thể loại thành công!" tại trang quản lý |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 4a.1 | Tác nhân nhấn nút “Quay lại”. |  |
| 4a.2 |  | Hủy bỏ việc thêm thể loại và trở lại giao diện Quản lý |
| 5a.1 |  | Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập không hợp lệ (VD: điền thiếu trường thông tin). Hệ thống hiển thị thông báo trường dữ liệu không được để trống tại từng ô dữ liệu bị thiếu. |

#### Use-case sửa thể loại

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.23. Bảng đặc tả use-case sửa thể loại

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 22 | | |
| Tên use-case | Sửa thông tin thể loại | | |
| Tác nhân | Admin | | |
| Mô tả | Chức năng này cho phép tác nhân thực hiện chức năng thay đổi thông tin trên hệ thống. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Sửa thông tin" trên giao diện Quản lý | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đăng nhập vào trang web thành công với tài khoản quyền Admin. | | |
| Điều kiện thành công | Thay đổi thông tin thành công và quay về giao diện quản lý. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn “Sửa thông tin thể loại” trên trang Quản lý |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị trang Sửa thông tin thể loại |
| 3 | Tác nhân chỉnh sửa thông tin. |  |
| 4 | Nhấn nút “Lưu lại”. |  |
| 5 |  | Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ, lưu thông tin mới vào cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo “Thay đổi thông tin thành công!" tại trang quản lý |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 4a.1 | Nhấn nút “Quay lại”. |  |
| 4a.2 |  | Hủy bỏ việc sửa thông tin và quay trở lại giao diện Quản lý |
| 5a.1 |  | Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập không hợp lệ (VD: điền thiếu trường thông tin). Hệ thống hiển thị thông báo trường dữ liệu không được để trống tại từng ô dữ liệu bị thiếu. |

#### Use-case xóa thể loại

* Đặc tả use-case xóa thể loại

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use-case | 23 | | |
| Tên use-case | Xóa thể loại | | |
| Tác nhân | Văn phòng khoa | | |
| Mô tả | Chức năng này cho phép tác nhân thực hiện chức năng xóa thể loại trên hệ thống. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn "Xóa thể loại" trên giao diện Quản lý | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đăng nhập vào trang web thành công với tài khoản quyền Văn phòng khoa. | | |
| Điều kiện thành công | Xóa bỏ thể loại khỏi hệ thống và chuyển về giao diện quản lý | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn thể loại muốn xóa và nhấn “Xóa thể loại”. |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị yêu cầu xác nhận xóa |
| 3 | Tác nhân chọn “Đồng ý”. |  |
| 4 |  | Hệ thống xóa dữ liệu thể loại khỏi cơ sở dữ liệu, hiển thị thông báo “Xóa thể loại thành công!” tại trang quản lý chức vụ. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ | 3a.1 | Nhấn nút “Quay lại”. |  |
| 3a.2 |  | Hủy bỏ việc xóa thể loại và trở lại giao diện Quản lý |

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Xếp hạng sách

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Xếp hạng sách | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân đánh giá sách trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn “Số sao trên màn hình” đánh giá cho sách tương ứng. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Số sao được hiển thị tương ứng với sách đánh giá | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn số sao đánh giá cho sách. |  |
| 2 |  | Hệ thống ghi nhận thay đổi và hiển thị số sao ra màn hình |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**20.Use case Cập nhật tiến trình đọc sách**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Cập nhật tiến trình đọc sách

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Cập nhật tiến trình đọc sách | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân cật nhật tiến trình đọc sách lên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn “Cật nhật tiến trình đọc” ( đang đọc trang nào, muốn đọc, đã đọc xong). | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Cập nhật tiến trình đọc thành công hiển thị lên màn hình | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn cật nhật tiến trình đọc, chọn sách đang đọc nhập thông tin thay đổi( trang đang đọc) |  |
| 2 |  | Hệ thống ghi nhận thay đổi, tính ra phần trăm hoàn thành và hiển thị số sao ra màn hình |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**21.Use case Nhận thông báo từ người dùng theo dõi**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Nhận thông báo từ người dùng theo dõi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Nhận thông báo từ người dùng theo dõi | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân Nhận thông báo từ người dùng theo dõi trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào “Biểu tương thông báo” trên màn hình | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web, tác nhân theo dõi 1 người dùng khác | | |
| Điều kiện thành công | Thông báo được cập nhật khi người được theo dõi cật nhật trạng thái mới | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào mục “Thông báo”. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra thông báo về người dùng được theo dõi |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  | Người dùng không theo dõi bất kì người dũng khác nào hoặc người được theo dõi không có bất kì hoạt động nào. | Thông báo rỗng |
|  | Tác nhân nhấn vào màn hình bên ngoài | Thông báo biến mất |

**22.Use case Báo cáo nội dung không phù hợp**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Báo cáo nội dung không phù hợp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Báo cáo nội dung không phù hợp | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép báo cáo nội dung không phù hợp trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào bài viết, bình luận trên màn hình xác nhận “Báo cáo” | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web | | |
| Điều kiện thành công | Thông báo báo cáo thành công | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào bài viết cần “Báo cáo”. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra thông báo về bài viết bị báo cáo. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  | Nhấn nút “Hủy bỏ” | Hủy bỏ việc báo cáo |

**23.Use case Xem xu hướng sách trong cộng đồng**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Xem xu hướng sách trong cộng đồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Xem xu hướng sách trong cộng đồng | | |
| Tác nhân | Khách thành viên, khách vãng lai | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép xem “Xu hướng sách” trong cộng đồng trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân truy cập vào trang web vào phần xu hướng | | |
| Điều kiện tiên quyết |  | | |
| Điều kiện thành công |  | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân truy cập vào trang web |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa xu hướng sách trong cộng đồng ngày nay |
| Luồng thay thế |  | Tác nhân truy cập vào trang web | Hệ thống đưa xu hướng sách trong cộng đồng ngày nay |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**24.Use case Nhận đề xuất sách dựa trên lịch sử đọc và sở thích**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Nhận đề xuất sách dựa trên lịch sử đọc và sở thích

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Nhận đề xuất sách dựa trên lịch sử đọc và sở thích | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép nhận đề xuất sách dựa trên lịch sử đọc và sở thích trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào “Đề xuất” | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web, đã từng cật nhật tiến trình đọc, hoặc có thể loại sách yêu thích trong phận yêu thích | | |
| Điều kiện thành công | Tác nhân nhận được đề xuất dựa theo lịch sử đọc, sở thích | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào “Đề xuất”. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra đề xuất về sách |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**25.Use case Chia sẻ đánh giá sách**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Chia sẻ đánh giá sách

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Chia sẻ đánh giá sách | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép chia sẻ đánh giá sách trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào nút “Chia sẻ” , để chia sẻ cho người dùng khác. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web | | |
| Điều kiện thành công | Chia sẻ thành công. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào “Chia sẻ”. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra thông báo chia sẻ thành công. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**26.Use case quản lý sách trong danh sách đọc (Đang đọc, Muốn đọc, Đã hoàn thành).**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case quản lý sách trong danh sách đọc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | quản lý sách trong danh sách đọc | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép quản lý sách trong danh sách đọc trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân “Thêm sách” vào phần muốn đọc, hoặc tích đã “Hoàn thành” trên tiến trình đọc của sách | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Thêm được sách vào muốn đọc, tích khi đọc hoàn thành. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân truy cập vào trang web vào quản lí tiến trình đọc , cật nhật tiến trình đọc |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị sách và tiến trình đọc sách |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Nếu sách đã được thêm khi thêm sách sẽ hiển thị thông báo sách đã được thêm.còn không hiển thị thông báo thêm thành công |

**27.Use case Xem thông tin chi tiết sách**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Xem thông tin chi tiết sách

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Xem thông tin chi tiết sách | | |
| Tác nhân | Khách thành viên, khách vãng lai | | |
| Mô tả | Chức năng cho xem thông tin chi tiết sách trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào “Sách” cần xem chi tiết | | |
| Điều kiện tiên quyết |  | | |
| Điều kiện thành công | Thông tin chi tiết về sách được hiển thị lên giao diện | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào “Sách” cần xem chi tiết. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra thông tin chi tiết về sách |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**28.Use case** **Tìm kiếm thông tin**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Tìm kiếm thông tin

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Tìm kiếm thông tin | | |
| Tác nhân | Khách thành viên, khách vãng lai | | |
| Mô tả | Chức năng cho tìm kiếm thông tin trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào “Tìm kiếm” | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân nhập nội dung tìm kiếm | | |
| Điều kiện thành công | Tác nhân nhận được kết quả từ nội dung tìm kiếm. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào “Tìm kiếm”. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra kết quả |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Nếu tìm kiếm không thấy thì đưa ra thông báo tìm không thấy |

**10. Lọc và tìm kiếm thông tin**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 09 | | |
| Tên Usecase | Lọc và tìm kiếm thôn tin | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép người dùng lọc và tìm kiếm thông tin về sách và người dùng | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn tìm kiếm hoặc lọc thông tin từ hệ thống. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Hệ thống phải có một nguồn dữ liệu chứa thông tin cần tìm kiếm hoặc lọc. | | |
| Điều kiện thành công | Người dùng nhận được kết quả tìm kiếm hoặc danh sách thông tin đã được lọc dựa trên tiêu chí và bộ lọc đã áp dụng. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng sử dụng chức năng tìm kiếm hoặc lọc thông tin trên giao diện hệ thống.  Người dùng cung cấp các tiêu chí tìm kiếm và bộ lọc để áp dụng lên thông tin. |  |
| 2 |  | Hệ thống xử lý yêu cầu và truy xuất dữ liệu từ nguồn dữ liệu.  Hệ thống áp dụng các bộ lọc và tiêu chí tìm kiếm để lọc và tìm kiếm thông tin tương ứng.  Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm hoặc danh sách thông tin đã lọc trên giao diện người dùng. |
| Luồng thay thế |  |  | Nếu không có tiêu chí hoặc bộ lọc nào được cung cấp, hệ thống có thể hiển thị toàn bộ thông tin có sẵn. |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Nếu nguồn dữ liệu không khả dụng hoặc không thể truy xuất được, hệ thống thông báo lỗi và không thực hiện tìm kiếm hoặc lọc thông tin.  Nếu có lỗi trong quá trình xử lý yêu cầu, hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại sau.  Nếu người dùng không có quyền truy cập hoặc quyền sử dụng chức năng, hệ thống từ chối yêu cầu và thông báo lỗi. |

**11. Gắn cờ nội dung không phù hợp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 10 | | |
| Tên Usecase | Gắn cờ nội dung không phù hợp | | |
| Tác nhân | Admin | | |
| Mô tả | Tác nhân "admin" có quyền truy cập đặc biệt để xác định và đánh dấu các nội dung vi phạm chính sách, gắn cờ và thực hiện các biện pháp hợp lý để xử lý vấn đề. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Có nội dung trong hệ thống được tác nhân "admin" xác định là không phù hợp hoặc vi phạm chính sách. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Hệ thống phải cho phép tác nhân "admin" truy cập và xử lý nội dung.  Tác nhân "admin" phải có quyền truy cập và quyền sử dụng chức năng gắn cờ nội dung không phù hợp. | | |
| Điều kiện thành công | Nội dung không phù hợp được gắn cờ và được đưa vào quy trình xử lý tương ứng. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân "admin" xác định nội dung không phù hợp trong hệ thống.  Tác nhân "admin" chọn tùy chọn gắn cờ nội dung không phù hợp.  Tác nhân "admin" cung cấp thông tin bổ sung về nội dung không phù hợp (ví dụ: lý do, mô tả chi tiết). |  |
| 2 |  | Hệ thống ghi nhận yêu cầu gắn cờ và bắt đầu quy trình xử lý nội dung. |
| Luồng thay thế |  |  | Nếu không có nội dung nào được xác định là không phù hợp, quy trình gắn cờ không được kích hoạt. |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Nếu tác nhân "admin" không có quyền truy cập hoặc quyền sử dụng chức năng gắn cờ nội dung không phù hợp, hệ thống từ chối yêu cầu và thông báo lỗi.  Nếu có lỗi trong quá trình xử lý yêu cầu, hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân "admin" thử lại sau.. |

**12. Cập nhật thông tin**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 11 | | |
| Tên Usecase | Cập nhật thông tin | | |
| Tác nhân | Admin, thành viên | | |
| Mô tả | Tác nhân cập nhật thông tin trong hệ thống. Tác nhân có quyền truy cập và quyền sửa đổi thông tin để cập nhật dữ liệu mới, thay đổi thông tin hiện có hoặc xóa thông tin không cần thiết | | |
| Điều kiện kích hoạt | Có thông tin trong hệ thống cần được cập nhật. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Hệ thống phải cho phép tác nhân truy cập và cập nhật thông tin.  Tác nhân phải có quyền truy cập và quyền sử dụng chức năng cập nhật thông tin. | | |
| Điều kiện thành công | Thông tin được cập nhật thành công trong hệ thống. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân truy cập vào hệ thống và tìm đến thông tin cần cập nhật.  Tác nhân chọn tùy chọn cập nhật thông tin.  Tác nhân cập nhật thông tin theo yêu cầu (ví dụ: chỉnh sửa, thêm mới, xóa).  Tác nhân lưu lại các thay đổi và gửi yêu cầu cập nhật thông tin. Người dùng cung cấp các tiêu chí tìm kiếm và bộ lọc để áp dụng lên thông tin. | Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật thông tin cho tác nhân. |
| 2 |  | Hệ thống cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo thành công cho tác nhân. |
| Luồng thay thế |  |  | Nếu không có thông tin nào cần cập nhật, quy trình cập nhật thông tin không được kích hoạt. |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Nếu tác nhân không có quyền truy cập hoặc quyền sử dụng chức năng cập nhật thông tin, hệ thống từ chối yêu cầu và thông báo lỗi. |

**13. Đổi mật khẩu tài khoản**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 12 | | |
| Tên Usecase | Đôit mật khẩu tài thoản | | |
| Tác nhân | Admin, Thành viên | | |
| Mô tả | Use case này mô tả quá trình thay đổi mật khẩu cho tài khoản người dùng. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng cần đăng nhập vào tài khoản của mình. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng cần biết mật khẩu hiện tại của tài khoản. | | |
| Điều kiện thành công | Mật khẩu mới được cập nhật thành công và được áp dụng cho tài khoản người dùng. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng truy cập vào giao diện thay đổi mật khẩu.  Người dùng nhập mật khẩu hiện tại và mật khẩu mới. |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị form nhập thông tin mật khẩu.  Nếu mật khẩu hiện tại khớp, hệ thống cập nhật mật khẩu mới và hiển thị thông báo thành công cho người dùng |
| Luồng thay thế |  |  | Nếu hệ thống không thể kết nối đến cơ sở dữ liệu, hệ thống hiển thị thông báo lỗi kết nối và không thực hiện thay đổi mật khẩu. |
| Luồng ngoại lệ |  | Nếu người dùng nhập sai mật khẩu hiện tại quá nhiều lần, hệ thống có thể tạm khóa tài khoản và yêu cầu người dùng liên hệ với bộ phận hỗ trợ để mở khóa.  Nếu người dùng không nhập đủ thông tin trong form, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập đầy đủ thông tin. |  |

**14. Quản lý đánh giá(bài viết) sách (Thêm sửa xóa đánh giá)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 13 | | |
| Tên Usecase | Quản lý đánh giá sách | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Use case này mô tả quá trình quản lý đánh giá (bài viết) sách, bao gồm thêm, sửa và xóa đánh giá. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng đăng nhập vào hệ thống.  Người dùng truy cập vào trang quản lý đánh giá sách. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Sách phải tồn tại trong hệ thống.  Người dùng có quyền truy cập và quản lý đánh giá sách. | | |
| Điều kiện thành công | Đánh giá (bài viết) sách được thêm, sửa hoặc xóa thành công và được cập nhật trong hệ thống. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng truy cập vào trang quản lý đánh giá sách.  Người dùng chọn thêm, sửa hoặc xóa đánh giá (bài viết) sách. |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị danh sách các đánh giá (bài viết) sách hiện có.  Hệ thống hiển thị form nhập thông tin đánh giá (nội dung, điểm đánh giá, ngày đánh giá, v.v.). |
| Luồng thay thế |  |  | Nếu người dùng không chọn thêm, sửa hoặc xóa đánh giá, quá trình kết thúc. |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Nếu người dùng không có quyền truy cập và quản lý đánh giá sách, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và không cho phép thao tác. |

**15. Bình luận đánh giá sách**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 14 | | |
| Tên Usecase | Bình luận đánh giá sách | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép người dùng bình luận và đánh giá các cuốn sách mà họ đã đọc. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng đã đọc một cuốn sách và muốn chia sẻ ý kiến, đánh giá về nó | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống bình luận đánh giá sách. | | |
| Điều kiện thành công | Bình luận và đánh giá của người dùng được lưu trữ thành công và hiển thị cho người khác xem. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng truy cập vào hệ thống bình luận đánh giá sách.  Người dùng chọn một cuốn sách cần đánh giá.  Người dùng viết bình luận và đánh giá về cuốn sách.  Người dùng xác nhận việc gửi bình luận và đánh giá. |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị danh sách các cuốn sách có sẵn hoặc cho phép người dùng tìm kiếm cuốn sách cần đánh giá  Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết về cuốn sách và các bình luận, đánh giá đã được gửi trước đó (nếu có). |
| Luồng thay thế |  |  | Nếu không có bình luận hoặc đánh giá nào cho cuốn sách này, hệ thống hiển thị thông báo "Chưa có bình luận nào cho cuốn sách này." |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Hệ thống gặp lỗi khi lưu trữ bình luận và đánh giá của người dùng. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại sau.. |

**16. Thích đánh giá sách**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 15 | | |
| Tên Usecase | Thích đánh giá sách | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép người dùng thể hiện sự thích và đánh dấu một bình luận hoặc đánh giá đã được gửi về một cuốn sách. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống thích đánh giá sách. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã xem bình luận hoặc đánh giá của người khác về cuốn sách. | | |
| Điều kiện thành công | Người dùng thể hiện sự thích thành công và bình luận hoặc đánh giá được đánh dấu là được thích. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng truy cập vào hệ thống thích đánh giá sách.  Người dùng chọn một bình luận hoặc đánh giá mà họ muốn thích. |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị danh sách các bình luận hoặc đánh giá về cuốn sách.  Hệ thống cập nhật hiển thị số lượng thích mới cho bình luận hoặc đánh giá đó. |
| Luồng thay thế |  |  | Nếu không có bình luận hoặc đánh giá nào cho cuốn sách này, hệ thống hiển thị thông báo "Chưa có bình luận nào cho cuốn sách này." |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Người dùng không chọn bình luận hoặc đánh giá nào từ danh sách. Hệ thống không thực hiện thao tác thích và quay trở lại bước 2. |

**17. Theo dõi người dùng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 16 | | |
| Tên Usecase | Theo dõi người dùng | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép người dùng theo dõi hoạt động và thông tin của một người dùng khác trong hệ thống. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và muốn theo dõi một người dùng khác. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã tìm kiếm và chọn một người dùng cần theo dõi. | | |
| Điều kiện thành công | Người dùng đã bắt đầu theo dõi thành công người dùng khác và nhận được thông báo về hoạt động và thông tin của người dùng đó. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng truy cập vào hệ thống theo dõi người dùng.  Người dùng tìm kiếm và chọn người dùng mà họ muốn theo dõi. |  |
| 2 |  | Hệ thống ghi nhận yêu cầu theo dõi và thiết lập liên kết giữa người dùng và người được theo dõi.  Hệ thống cập nhật thông báo cho người dùng theo dõi về hoạt động mới, bài viết hoặc thông tin cập nhật của người được theo dõi. |
| Luồng thay thế |  |  | Nếu không có người dùng nào phù hợp hoặc không tìm thấy người dùng cần theo dõi, hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy người dùng phù hợp |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Người dùng đã theo dõi người dùng khác trước đó. Hệ thống không thực hiện thao tác theo dõi và hiển thị thông báo "Bạn đã theo dõi người dùng này trước đó |

**18. Bỏ theo dõi người dùng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 17 | | |
| Tên Usecase | Bỏ theo dõi người dùng | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép người dùng bỏ theo dõi hoạt động và thông tin của một người dùng khác trong hệ thống. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và muốn bỏ theo dõi một người dùng khác. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã tìm kiếm và chọn một người dùng đã được theo dõi để bỏ theo dõi. | | |
| Điều kiện thành công | Người dùng đã bỏ theo dõi thành công người dùng khác và không nhận thông báo về hoạt động và thông tin của người dùng đó. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng truy cập vào hệ thống bỏ theo dõi người dùng.  Người dùng tìm kiếm và chọn người dùng mà họ muốn bỏ theo dõi. |  |
| 2 |  | Hệ thống ghi nhận yêu cầu bỏ theo dõi và xóa liên kết giữa người dùng và người được bỏ theo dõi. |
| Luồng thay thế |  |  | Nếu không có người dùng nào đang được theo dõi hoặc không tìm thấy người dùng để bỏ theo dõi, hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy người dùng phù hợp để bỏ theo dõi." |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Người dùng đã bỏ theo dõi người dùng khác trước đó hoặc không có liên kết theo dõi nào giữa hai người dùng. Hệ thống không thực hiện thao tác bỏ theo dõi và hiển thị thông báo "Bạn đã bỏ theo dõi người dùng này trước đó." |

**19.Use case Xếp hạng sách:**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Xếp hạng sách

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Xếp hạng sách | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân đánh giá sách trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn số sao trên màn hình đánh giá cho sách tương ứng. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Số sao được hiển thị tương ứng với sách đánh giá | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn số sao đánh giá cho sách. |  |
| 2 |  | Hệ thống ghi nhận thay đổi và hiển thị số sao ra màn hình |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**20.Use case Cập nhật tiến trình đọc sách**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Cập nhật tiến trình đọc sách

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Cập nhật tiến trình đọc sách | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân cật nhật tiến trình đọc sách lên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn cật nhật tiến trình đọc( đang đọc trang nào, muốn đọc, đã đọc xong). | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Cập nhật tiến trình đọc thành công hiển thị lên màn hình | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn cật nhật tiến trình đọc, chọn sách đang đọc nhập thông tin thay đổi( trang đang đọc) |  |
| 2 |  | Hệ thống ghi nhận thay đổi, tính ra phần trăm hoàn thành và hiển thị số sao ra màn hình |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**21.Use case Nhận thông báo từ người dùng theo dõi**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Nhận thông báo từ người dùng theo dõi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Nhận thông báo từ người dùng theo dõi | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép tác nhân Nhận thông báo từ người dùng theo dõi trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào biểu tương thông báo trên màn hình | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web, tác nhân theo dõi 1 người dùng khác | | |
| Điều kiện thành công | Thông báo được cập nhật khi người được theo dõi cật nhật trạng thái mới | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào mục thông báo. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra thông báo về người dùng được theo dõi |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  | Người dùng không theo dõi bất kì người dũng khác nào hoặc người được theo dõi không có bất kì hoạt động nào. | Thông báo rỗng |
|  | Tác nhân nhấn vào màn hình bên ngoài | Thông báo biến mất |

**22.Use case Báo cáo nội dung không phù hợp**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Báo cáo nội dung không phù hợp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Báo cáo nội dung không phù hợp | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép báo cáo nội dung không phù hợp trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào bài viết, bình luận trên màn hình xác nhận báo cáo | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web | | |
| Điều kiện thành công | Thông báo báo cáo thành công | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào bài viết cần báo cáo. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra thông báo về bài viết bị báo cáo. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  | Nhấn nút “hủy bỏ” | Hủy bỏ việc báo cáo |

**23.Use case Xem xu hướng sách trong cộng đồng**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Xem xu hướng sách trong cộng đồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Xem xu hướng sách trong cộng đồng | | |
| Tác nhân | Khách thành viên, khách vãng lai | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép xem xu hướng sách trong cộng đồng trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân truy cập vào trang web vào phần xu hướng | | |
| Điều kiện tiên quyết |  | | |
| Điều kiện thành công |  | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân truy cập vào trang web |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa xu hướng sách trong cộng đồng ngày nay |
| Luồng thay thế |  | Tác nhân truy cập vào trang web | Hệ thống đưa xu hướng sách trong cộng đồng ngày nay |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**24.Use case Nhận đề xuất sách dựa trên lịch sử đọc và sở thích**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Nhận đề xuất sách dựa trên lịch sử đọc và sở thích

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Nhận đề xuất sách dựa trên lịch sử đọc và sở thích | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép nhận đề xuất sách dựa trên lịch sử đọc và sở thích trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào đề xuất | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web, đã từng cật nhật tiến trình đọc, hoặc có thể loại sách yêu thích trong phận yêu thích | | |
| Điều kiện thành công | Tác nhân nhận được đề xuất dựa theo lịch sử đọc, sở thích | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào đề xuất. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra đề xuất về sách |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**25.Use case Chia sẻ đánh giá sách**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Chia sẻ đánh giá sách

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Chia sẻ đánh giá sách | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép chia sẻ đánh giá sách trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào nút chia sẻ , để chia sẻ cho người dùng khác. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web | | |
| Điều kiện thành công | Chia sẻ thành công. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào chia sẻ. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra thông báo chia sẻ thành công. |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**26.Use case quản lý sách trong danh sách đọc (Đang đọc, Muốn đọc, Đã hoàn thành).**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case quản lý sách trong danh sách đọc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | quản lý sách trong danh sách đọc | | |
| Tác nhân | Khách thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép quản lý sách trong danh sách đọc trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân thêm sách vào phần muốn đọc, hoặc tích đã hoàn thành trên tiến trình đọc của sách | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân đã đăng nhập thành công vào trang web. | | |
| Điều kiện thành công | Thêm được sách vào muốn đọc, tích khi đọc hoàn thành. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân truy cập vào trang web vào quản lí tiến trình đọc , cật nhật tiến trình đọc |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị sách và tiến trình đọc sách |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Nếu sách đã được thêm khi thêm sách sẽ hiển thị thông báo sách đã được thêm.còn không hiển thị thông báo thêm thành công |

**27.Use case Xem thông tin chi tiết sách**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Xem thông tin chi tiết sách

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Xem thông tin chi tiết sách | | |
| Tác nhân | Khách thành viên, khách vãng lai | | |
| Mô tả | Chức năng cho xem thông tin chi tiết sách trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào sách cần xem chi tiết | | |
| Điều kiện tiên quyết |  | | |
| Điều kiện thành công | Thông tin chi tiết về sách được hiển thị lên giao diện | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào sách cần xem chi tiết. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra thông tin chi tiết về sách |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  |  |

**28.Use case Tìm kiếm thông tin**

* Đặc tả use-case:

Bảng 2.31. Bảng đặc tả use-case Tìm kiếm thông tin

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 32 | | |
| Tên Usecase | Tìm kiếm thông tin | | |
| Tác nhân | Khách thành viên, khách vãng lai | | |
| Mô tả | Chức năng cho tìm kiếm thông tin trên trang web. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Tác nhân chọn vào tìm kiếm | | |
| Điều kiện tiên quyết | Tác nhân nhập nội dung tìm kiếm | | |
| Điều kiện thành công | Tác nhân nhận được kết quả từ nội dung tìm kiếm. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân chọn vào tìm kiếm. |  |
| 2 |  | Hệ thống đưa ra kết quả |
| Luồng thay thế |  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Nếu tìm kiếm không thấy thì đưa ra thông báo tìm không thấy |